TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGỌC LẶC
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2021/HS - ST
Ngày 26 - 01- 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC LẶC, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Sơn
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Dân
Bà Hà Thị Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Ninh Thị Hải - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Lanh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 50/2020/TLST- HS ngày 17 tháng 12 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2021/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 01 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. **Quách Công T**, sinh ngày 03 tháng 9 năm 1996 tại xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

Nơi cư trú: thôn G, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa
Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Quách Công D và bà Lê Thị T; bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị tạm giữ từ ngày 10/9/2020, tạm giam từ ngày 19/9/2020 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa.

Có mặt tại phiên tòa.

2. **Phạm Văn Đ**, sinh ngày 12 tháng 8 năm 1993 tại xã Q, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

Nơi cư trú: thôn B, xã Q, huyện N, tỉnh Thanh Hóa
Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn C và bà Cao Thị D; có vợ là Hà Thị C (đã ly hôn) và 01 con sinh năm 2014.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị tạm giữ từ ngày 10/9/2020, tạm giam từ ngày 19/9/2020 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa.

Có mặt tại phiên tòa.

3. Bùi Đức H, sinh ngày 10 tháng 12 năm 1992 tại xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

Nơi cư trú: thôn 9, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn A (đã chết) và bà Trịnh Thị N; có vợ là Phạm Thị U (đã ly hôn) và 01 con sinh năm 2012.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị tạm giữ từ ngày 10/9/2020, tạm giam từ ngày 19/9/2020 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa.

Có mặt tại phiên tòa.

4. Phạm Văn D, sinh ngày 05 tháng 9 năm 1988 tại xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

Nơi cư trú: thôn 6, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông (Không xác định được) và bà Phạm Thị R; có vợ là Quách Thị H (đã ly hôn) và 01 con sinh năm 2010.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

-Tại bản án số 15/2005/HSST ngày 13/12/2005 Tòa án nhân dân huyện Ngọc Lặc xử phạt 09 tháng cải tạo không giam giữ về tội Gây rối trật tự công cộng. Đã chấp hành xong hình phạt.

-Tại bản án số 12/2008/HSST ngày 22/4/2008 Tòa án nhân dân huyện Ngọc Lặc xử phạt 09 tháng tù về tội Cố ý gây thương tích. Đã chấp hành xong hình phạt.

-Tại bản án số 24/2009/HSST ngày 29/9/2009 Tòa án nhân dân huyện Cẩm Thủy xử phạt 12 tháng tù. Đã chấp hành xong hình phạt ngày 18/6/2010.

-Ngày 26/02/2018 bị Công an huyện Ngọc Lặc xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc trái phép bằng hình thức mua số đề, mức phạt 350.000 đồng, đã nộp tiền phạt ngày 01/3/2018.

Bị tạm giữ từ ngày 10/9/2020, tạm giam từ ngày 19/9/2020 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa.

Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại*: Chị Phạm Thị H, sinh năm 1982

Nơi cư trú: Khu phố 1, thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

-*Người làm chứng:*

+ Chị Vi Thị P, sinh năm 1976. Vắng mặt.
Nơi cư trú: xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.
+ Anh Bùi Hải D, sinh năm 1970 .Vắng mặt.
Nơi cư trú: Phố 1, thị trấn N, huyện N, Thanh Hóa.
+ Chị Lý Thị U, sinh năm 1988 . Vắng mặt
Nơi cư trú: xã L, huyện T, tỉnh Cao Bằng.
+Anh Hoàng Ngọc M, sinh năm 1974.Vắng mặt
Nơi cư trú: Phố 1 , thị trấn N, huyện N, Thanh Hóa.
+Anh Đỗ Trí P, sinh năm 1983. Vắng mặt
Nơi cư trú: Thôn 6, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.
+Anh Lê Văn T, sinh năm 1984. Vắng mặt
Nơi cư trú: Thôn M, xã M, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.
+Anh Lê Văn T, sinh năm 1983. Vắng mặt
Nơi cư trú: Khu phố H, thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.
+Anh Lê Quang N, sinh năm 1985. Vắng mặt
Nơi cư trú: Khu phố 1, thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.
+Anh Lê Hồng N, sinh năm 1995. Vắng mặt
Nơi cư trú: Thôn 3, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.
+Ông Bùi Văn L, sinh năm 1960. Vắng mặt
Nơi cư trú: Khu phố H, thị trấn N, huyện N, Thanh Hóa.
+Anh Lê Xuân T, sinh năm 1991. Vắng mặt
Nơi cư trú: Thôn Q, xã Q, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.
+Anh Phạm Trường A, sinh năm 2004. Vắng mặt
Nơi cư trú: Thôn R, xã Q, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.
+Anh Bùi Văn B, sinh năm 1995. Vắng mặt
Nơi cư trú: Thôn 9, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.
+Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1969. Vắng mặt
Nơi cư trú: Thôn 8, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.
+Anh Bùi Văn S, sinh năm 1995. Vắng mặt
Nơi cư trú: Thôn T, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.
+Ông Nguyễn Doãn T, sinh năm 1952. Vắng mặt
Nơi cư trú: Khu phố 1 thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ, ngày 09/9/2020 Quách Công T, Bùi Đức H, Phạm Văn D và một số người quen của D cùng ngồi uống bia tại quán bia T B ở thôn 7, xã N (do anh Bùi Văn B làm chủ quán). Tại quán bia, T rủ mọi người đi đến quán nước của

chị Phạm Thị H, ở khu phố 1 , thị trấn N để đòi tiền bảo kê quán, trước khi đi Bùi Đức H đến quán nhà ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1969 ở thôn 8, xã N mua 02 ống tuýp sắt, mỗi ống dài 06 mét, loại phi 27 và cắt thành nhiều đoạn khoảng 1 mét bỏ vào bì xác sắn rồi mang theo. Sau đó H nhờ Bùi Văn S, sinh năm 1995, ở thôn , xã N, huyện N là bạn, gọi xe ôtô taxi của anh Đỗ Trí P, sinh năm 1983 ở thôn 6, xã N chở T, H, D đi đến khu rừng keo ở phố 1, thị trấn N, lúc này H bỏ bì tuýp sắt ở cốp sau xe ô tô, còn D cầm theo một con dao dạng dao phớ, màu đen. Trên đường đi T mượn điện thoại của H để gọi cho Phạm Văn Đ, rủ Đ đi cùng và nói sẽ có người đến đón, khi đi đến khu rừng keo ở phố 1. T, H, D và một số người khác đi theo vào quán nhà ông Nguyễn Doãn Th gọi nước dừa uống, cùng lúc này Phạm Văn Đ được Phạm Trường A, sinh năm 2004 ở thôn R, xã Q đi đón đưa đến cùng ngồi uống nước tại quán nhà ông Th.

Tại quán nhà ông Th, T rủ Đ đi đến quán của chị Phạm Thị H, gặp chị H, T nói với chị H " anh của em nói cho bọn em đến lấy tiền với chị", chị H không đồng ý đưa tiền vì không quen biết T và Đ, chị Hạnh nói nếu có đưa tiền thì phải biết " Anh của bọn mày là ai, tên tuổi, địa chỉ ở đâu". T và Đ quay lại quán ông Th để nói lại cho H và D biết, chị Hạnh đứng ở quán nhà mình có gọi D sang nói chuyện nhưng D không sang, T và Đ lại đến gặp chị H để đòi tiền, chị H đưa cho T số tiền 100.000 đồng nhưng T cương quyết không lấy, T yêu cầu chị H phải đưa thêm, T nói nhà chị H có 5 người, tính trên đầu người tiền phải đóng là 250.000đồng/1 người/1 ngày và T yêu cầu chị H phải đóng số tiền 1.250.000 đồng. T và Đ có lời lẽ đe dọa chị H, sau đó chị H đưa cho Tùng số tiền 500.000 đồng và hẹn số tiền còn lại đến chiều quay lại lấy tiếp. T cầm tiền và cùng Đ đi về quán ông Th nói lại cho những người có mặt tại quán biết, sau đó T trả tiền uống nước và cả nhóm rủ nhau đi uống bia tại quán 123 zô ở xã Q, huyện N.

Trong lúc uống bia tại quán 123 zô, Phạm Văn Đ đi đón Lê Quang N, sinh năm 1985 ở phố 1, thị trấn N đến cùng tham gia, khi N đến T nói lại với N vừa lấy được số tiền 500.000 đồng của chị H, số tiền còn lại chiều đến lấy.

Đến khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày sau khi uống bia xong, H gọi xe taxi chở cả nhóm đến khu rừng keo, T và N đi đến gặp chị H, chị H đưa cho T 500.000 đồng và hẹn số tiền 250.000 đồng còn lại đến ngày mai lấy. T cầm tiền và cùng N đi ra ngoài. Lúc này chị H cầm máy tính bảng ra quay video, chụp ảnh. D đứng ngoài đường nhìn thấy nên yêu cầu chị H phải đưa máy tính bảng để xóa ảnh nhưng chị H không đưa, D cùng nhóm của mình vào ép chị H đưa máy tính bảng, khi chị H đưa máy thì D lấy và cầm con dao dạng phớ chém vỡ nát chiếc máy tính bảng. Sau đó cả nhóm bỏ đi, đến khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, T, Đ, H và D cầm theo hung khí đến quán chị H đe dọa chị H về việc chị H báo sự việc đến Công an huyện Ngọc Lặc.

Đến 15 giờ ngày 10/9/2020, Quách Công T, Phạm Văn Đ, Bùi Đức H đến Công an huyện Ngọc Lặc đầu thú thành khẩn khai báo hành vi cưỡng đoạt số tiền 1.000.000 đồng của chị H. Phạm Văn D đến đầu thú khai nhận về hành vi hủy hoại tài sản là chiếc máy tính bảng của chị H. Phạm Văn Đ giao nộp 01 gậy tuýp sắt tròn dài 81cm, đường kính 2,7cm màu xám, một đầu dược cắt vát nhọn; Bùi Đức H giao nộp 01 con dao bằng kim loại dài 85cm, phần lưỡi dao dài 40cm, có lưỡi sắc nhọn, cán dao làm bằng tuýp sắt loại phi 21 dài 45cm; Phạm Văn D giao nộp 01 con dao bằng kim loại, dạng phớ màu đen, lưỡi dao trắng kích kích thước dài 80cm, bản dao rộng 7cm.

Đối với tài sản của chị H bị Phạm Văn D hủy hoại, Tại bản kết luận định giá tài sản số 26/KL-HĐĐG ngày 17/9/2020 của Hội đồng định giá tài sản UBND huyện Ngọc Lặc đã kết luận: 01 máy tình bảng, nhãn hiệu HUAWEI, màu trắng, model: HB3665D2EBC, có giá trị tại thời điểm xảy ra vụ việc là: 2.300.000 đồng.

Vật chứng của vụ án:

- 01 gậy tuýp sắt tròn dài 81cm, đường kính 2,7cm màu xám, một đầu dược cắt vát nhọn;

- 01 con dao bằng kim loại dài 85cm, phần lưỡi dao dài 40cm, có lưỡi sắc nhọn, cán dao làm bằng tuýp sắt loại phi 21 dài 45cm;

- 01 con dao bằng kim loại, dạng phớ màu đen, lưỡi dao trắng kích kích thước dài 80cm, bản dao rộng 7cm;

- 01 máy tình bảng, nhãn hiệu HUAWEI, màu trắng, model: HB3665D2EBC.

Các vật chứng trên đã được chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Lặc.

01 USB, nhãn hiệu KINGTON, màu đỏ, dung lượng 8GB, bên trong USB chứa 01 đoạn Video MP4, gồn: Video - 1-09092020 dung lượng 12,8MB và video - 2- 09092020 dung lượng 23,3MB ghi lại cảnh các bị cáo D, H, T và Đ cầm theo hung khí đến quán nhà chị H đe dọa việc chị H báo cáo Công an về hành vi cưỡng đoạt tài sản và hủy hoại tài sản của các bị cáo ngày 09/9/2020. Tại bản kết luận giám định số: 7689/C09-P6 ngày 19/11/2020 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận " Không nhìn thấy dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung trong tệp video " video - 1-09092020 và video- 2-09092020". USB này kèm theo hồ
sơ vụ án.

Đối với 02 chiếc điện thoại nhãn hiệu Nokia, màu đen các bị cáo sử dụng để liên lạc trong quá trình thực hiện hành vi cưỡng đoạt tài sản và những tuýp sắt, các bị cáo không nhớ để ở đâu, Cơ quan Điều tra không thu giữ được.

Về bồi thường thiệt hại: Bà Lê Thị T (mẹ bị cáo T) và bà Cao Thị D (mẹ bị cáo Đ) bồi thường cho chị H số tiền 1.000.000 đồng; Bà Phạm Thị R (mẹ bị cáo D) bồi thường cho chị H 1.000.000 đồng, chị H đã nhận tiền bồi thường và không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thêm.

Quá trình điều tra xác định ngoài hành vi bị khởi tố bị cáo Phạm Văn D và đối tượng Lê Quang N có dấu hiệu phạm tội " Cưỡng đoạt tài sản". Tuy nhiên, quá trình điều tra, Phạm Văn D và Lê Quang N không thừa nhận hành vi của mình, các tài liệu chứng cứ thu thập được chưa đủ căn cứ để chứng minh hành vi phạm tội của D và N. Do đó, cơ quan điều tra đã tách hành vi của D và N để tiếp tục điều tra, xử lý khi có đủ căn cứ.

Tại bản Cáo trạng số 03/CT-VKSNL, ngày 14/12/2020 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Lặc đã truy tố Quách Công T, Phạm Văn Đ và Bùi Đức H, về tội " Cưỡng đoạt tài sản" theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 170 Bộ luật hình sự. Truy tố Phạm Văn D về tội " Hủy hoại tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 178 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: điểm đ khoản 2 Điều 170; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58 và Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Quách Công T và Phạm Văn Đ.

Đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo Quách Công T từ 40 tháng đến 43 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ.

Đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo Phạm Văn Đ từ 39 tháng đến 42 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: điểm đ khoản 2 Điều 170; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58 và Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Bùi Đức H. Đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo Bùi Đức H từ 36 tháng đến 39 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 và khoản 1 Điều 178 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Phạm Văn D

Đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo Phạm Văn D từ 09 tháng đến 12 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ.

Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về bồi thường thiệt hại: Bị hại Phạm Thị H đã nhận số tiền bồi thường 1.000.000 đồng từ gia đình bị cáo T và Đ và 1.000.000 đồng từ gia đình bị cáo D, bị hại không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thêm, nên không xem xét.

Về vật chứng: Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy vật chứng của vụ án.

Về án phí: Các bị cáo bị kết án nên phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa các bị cáo Quách Công T, Phạm Văn Đ và Bùi Đức H thành khẩn khai báo, thừa nhận hành vi cưỡng đoạt tài sản với số tiền 1.000.000 đồng của chị H, các bị cáo không tranh luận với luận tội của Kiểm sát viên.

Bị cáo Phạm Văn D thành khẩn khai báo, thừa nhận hành vi hủy hoại tài sản là chiếc máy tính bảng của chị Hạnh, bị cáo không tranh luận với luận tội của Kiểm sát viên.

Lời nói sau cùng các bị cáo ăn ăn, hối cải về hành vi phạm tội của mình và mong HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Bị hại Phạm Thị H không tranh luận với luận tội của Kiểm sát viên, bị hại không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thêm, không nhận lại tài sản bị hư hỏng và đề nghị HĐXX xét xử các bị cáo theo đúng quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi tố tụng, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Ngọc Lặc, Điều tra viên. Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Lặc, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo, bị hại, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại giai đoạn điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, của những người làm chứng và phù hợp các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận:

Ngày 09/9/2020 tại gia đình chị Phạm Thị H ở khu phố 1, thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Quách Công T, Phạm Văn Đ và Bùi Đức H đã có hành vi mang theo hung khí, có lời lẽ đe dọa, uy hiếp tinh thần của chị Phạm Thị H để chiếm đoạt số tiền 1.000.000 đồng. Phạm Văn D đã có hành vi dùng dao chém vỡ chiếc máy tính bảng của chị Phạm Thị H trị giá 2.300.000 đồng.

Hành vi dùng dao, tuýp sắt uy hiếp tinh thần chị Phạm Thị H để chiếm đoạt số tiền 1.000.000 đồng của các bị cáo Quách Công T, Phạm Văn Đ và Bùi Đức H thực hiện ngang nhiên giữa ban ngày tại phố 1, thị trấn N là nơi kinh doanh buôn bán của nhiều hộ dân, nơi gần đường giao thông có nhiều người lưu thông qua lại, gây hoang mang, lo lắng và bức xúc trong quần chúng Nhân Dân tại khu dân cư, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu

thành tội " Cưỡng đoạt tài sản" theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 170 Bộ luật hình sự.

Hành vi dùng dao chém vỡ chiếc máy tính bảng của chị Phạm Thị H trị giá 2.300.000 đồng của bị cáo Phạm Văn D đủ yếu tố cấu thành tội " Hủy hoại tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 178 của Bộ luật hình sự.

Do đó, quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Lặc đối với các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Đối với hành vi của Phạm Văn D và Lê Quang N có dấu hiệu phạm tội Cưỡng đoạt tài sản. Tuy nhiên, quá trình điều tra tài liệu, chứng cứ thu thập chưa đủ căn cứ để chứng minh hành vi phạm tội của Phạm Văn D và Lê Quang N, nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Ngọc Lặc đã tách hành vi này để tiếp tục điều tra, xử lý khi có đủ căn cứ.

[3] Đánh giá tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội: Tính chất vụ án là rất nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, an toàn xã hội. Hành vi này cần phải xử lý nghiêm bằng pháp luật hình sự nhằm giáo dục, trừng trị các bị cáo và răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung.

[4] Đánh giá tính chất đồng phạm của tội cưỡng đoạt tài sản: Tính chất của đồng phạm là giản đơn, các bị cáo cố ý cùng thực hiện tội phạm, các bị cáo phạm tội không có sự bàn bạc, hành vi phạm tội là bột phát.

Bị cáo Quách Công T là người thực hành trực tiếp cùng bị cáo Đ đến gặp chị H có lời lẽ đe dọa, uy hiếp tinh thần chị H và yêu cầu chị H phải nộp số tiền 1.250.000 đồng và là người trực tiếp lấy số tiền 1.000.000 đồng từ chị H. Nên bị cáo T có vai trò cao nhất trong hành vi cưỡng đoạt tài sản.

Bị cáo Phạm Văn Đ là người thực hành trực tiếp cùng bị cáo T đến gặp chị H có lời lẽ đe dọa, uy hiếp tinh thần chị H để chiếm đoạt số tiền 1.000.000 đồng, nên bị cáo Đ có vai trò thứ hai.

Bị cáo Bùi Đức H là người giúp sức tích cực là người mua ống nước cắt thành nhiều đoạn để làm hung khí và có hành vi uy hiếp tinh thần chị H để chiếm đoạt tài sản, vai trò của bị cáo H thấp hơn bị cáo T và bị cáo Đ.

[5] Về nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo không có tiền án, tiền sự và không phải chịu tình tiết tăng nặng.

Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Sau khi phạm tội đã đến Công an huyện Ngọc Lặc đầu thú, nên cả bốn bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ là " Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải" và "đầu thú" theo quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Trong thời gian bị tạm giam các bị cáo Quách

Công T, Phạm Văn Đ và Phạm Văn D đã tác động tích cực để gia đình bồi thường thiệt hại cho bị hại, nên bị cáo T, Đ và D được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Bùi Đức H có bố là ông Bùi Văn A là thương binh; bị cáo D có mẹ là bà Phạm Thị R là người có công với cách mạng được tặng thưởng Bằng khen, nên bị cáo H và bị cáo D được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự

[6] Trên cơ sở đánh giá tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

Hội đồng xét xử xét thấy đối hành vi cưỡng đoạt tài sản của các bị cáo Quách Công T, Phạm Văn Đ và Bùi Đức H, các bị cáo phạm tội rất nghiêm trọng, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự an toàn xã hội. Bị cáo Phạm Văn D là người có nhân thân xấu, đã nhiều lần bị kết án nhưng không chịu tu dưỡng, rèn luyện bản thân, nên cần thiết phải cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tại cơ sở giam giữ theo quy chế trại giam trong một thời hạn nhất định mới đủ sức răn đe, giáo dục và trừng trị các bị cáo.

Khi quyết định hình phạt do các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, số tiền các bị cáo chiếm đoạt và gây thiệt hại không lớn nên cần quyết định hình phạt ở mức thấp của khung hình phạt tương xướng với tính chất và vai trò của các bị cáo để các bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật, yên tâm cải tạo.

Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[7] Về bồi thường thiệt hại: Trong thời gian bị tạm giam các bị cáo Quách Công T, Phạm Văn Đ và Phạm Văn D đã tác động tích cực để gia đình bồi thường thiệt hại cho bị hại. Bà Lê Thị T là mẹ đẻ bị cáo T và bà Cao Thị D mẹ đẻ bị cáo Đ đã bồi thường cho chị Phạm Thị H số tiền bị chiếm đoạt là 1.000.000 đồng, chị H đã nhận đủ tiền và không yêu cầu các bị cáo bồi thường thêm.

Bà Phạm Thị R mẹ đẻ bị cáo D đã bồi thường thiệt hại về hành vi huỷ hoại máy tính bảng cho chị H số tiền 1.000.000 đồng, chị H đã nhận số tiền 1.000.000 đồng, chị H không yêu cầu bị cáo D phải bồi thường thêm. Nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Xử lý vật chứng:

Đối với 01 gậy tuýp sắt tròn dài 81cm, đường kính 2,7cm màu xám, một đầu dược cắt vát nhọn; 01 con dao bằng kim loại dài 85cm, phần lưỡi dao dài 40cm, có lưỡi sắc nhọn, cán dao làm bằng tuýp sắt loại phi 21 dài 45cm; 01 con dao bằng kim loại dạng phớ, màu đen, lưỡi dao trắng kích kích thước dài 80cm, bản dao rộng 7cm là công cụ phạm tội, nên tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Đối và 01 máy tình bảng, nhãn hiệu HUAWEI, màu trắng, model: HB3665D2EBC đã bị hư hỏng hoàn toàn không còn giá trị sử dụng; bị hại từ chối nhận lại tài sản. Nên tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Đối với 01 USB, nhãn hiệu KINGTON, màu đỏ, dung lượng 8GB, bên trong USB chứa 01 đoạn Video MP4, gồm: Video - 1-09092020 dung lượng 12,8MB và video -2- 09092020 dung lượng 23,3MB có giá trị chứng minh được lưu trong hồ sơ vụ án.

[9] Về án phí: Các bị cáo bị kết án và không thuộc trường hợp được miễn án phí, nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: Điểm đ khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự; Tuyên bố: Các bị cáo Quách Công T, Phạm Văn Đ và Bùi Đức H phạm tội " Cưỡng đoạt tài sản".

Căn cứ khoản 1 Điều 178 Bộ luật hình sự; Tuyên bố bị cáo Phạm Văn D phạm tội " Hủy hoại tài sản"

2. Áp dụng:

- Điểm đ khoản 2 Điều 170; Điều 17; Điều 38; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Quách Công T và Phạm Văn Đ.

- Điểm đ khoản 2 Điều 170; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Bùi Đức H.

- Khoản 1 Điều 178: điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Phạm Văn D

3. Xử phạt:

- Xử phạt Quách Công T 40 (Bốn mươi) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, ngày 10/9/2020.

- Xử phạt Phạm Văn Đ 39 (Ba mươi chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, ngày 10/9/2020.

- Xử phạt Bùi Đức H 36 (Ba mươi sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, ngày 10/9/2020.

- Xử phạt Phạm Văn D 12 (Mười hai) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, ngày 10/9/2020.

4. Xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 1, điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu, tiêu hủy 01 gậy tuýp

sắt tròn dài 81cm, đường kính 2,7cm màu xám, một đầu dược cắt vát nhọn; 01 con dao bằng kim loại dài 85cm, phần lưỡi dao dài 40cm, có lưỡi sắc nhọn, cán dao làm bằng tuýp sắt loại phi 21 dài 45cm; 01 con dao bằng kim loại, dạng phớ màu đen, lưỡi dao trắng kích kích thước dài 80cm, bản dao rộng 7cm và 01 máy tình bảng, nhãn hiệu HUAWEI, màu trắng, model: HB3665D2EBC *(Có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 17/12/2020 giữa Công an huyện Ngọc Lặc và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Lặc).*

5. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc các bị cáo Quách Công T, Phạm Văn Đ, Bùi Đức H và Phạm Văn D, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
-TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
-VKSND huyện Ngọc Lặc;
-Công an huyện Ngọc Lặc;
-THADS huyện Ngọc Lặc;
-Bị cáo;
-Bị hại;
-Lưu HSVA

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Ngọc Sơn